

TÒA ÁN NHÂN DÂN
THỊ XÃ CAI LẬY
TỈNH TIỀN GIANG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 03/2023/HNGĐ-ST

Ngày: 16-01-2023

V/v tranh chấp "Xin ly hôn"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ CAI LẬY, TỈNH TIỀN GIANG

- *Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:*

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Lê Hoàng Hiệp.

Các Hội thẩm nhân dân: Bà Đặng Thị Tiềm.

Ông Huỳnh Ngọc Trứ.

- *Thư ký phiên tòa:* Ông Bùi Lê Lộc - Thư ký Tòa án nhân dân thị xã Cai Lậy, tỉnh Tiền Giang.

Ngày 16 tháng 01 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân thị xã Cai Lậy, tỉnh Tiền Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 183/2023/TLST-HNGĐ ngày 20 tháng 10 năm 2023 về việc "Xin ly hôn".

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 129/2023/QĐXXST-HNGĐ ngày 07 tháng 12 năm 2023 và Quyết định hoãn phiên tòa số 05/2023/QĐST-HNGĐ ngày 03 tháng 01 năm 2024 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Anh Lưu Mạnh H, sinh năm 1970; (xin vắng mặt)

Địa chỉ: Ấp Q, xã N, thị xã C, tỉnh Tiền Giang.

- *Bị đơn:* Chị Võ Thị Kim H1, sinh năm 1977; (vắng mặt)

Địa chỉ: Ấp Q, xã N, thị xã C, tỉnh Tiền Giang.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

**Tại đơn khởi kiện, tờ tự khai ngày 03/4/2023, biên bản hòa giải, biên bản về việc kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ, nguyên đơn anh Lưu Mạnh H trình bày:*

- Về quan hệ hôn nhân: Vợ chồng anh H tổ chức lễ cưới và đăng ký kết hôn ngày 22/10/1999 tại Ủy ban nhân dân xã N, huyện C, tỉnh Tiền Giang (nay là Ủy ban nhân dân xã N, thị xã C, tỉnh Tiền Giang). Sau khi kết hôn vợ chồng chung sống với nhau hạnh phúc được một thời gian, đến năm 2017 thì phát sinh mâu thuẫn vợ chồng gay gắt. Nguyên nhân do vợ chồng tính tình không hợp nhau, bất đồng quan điểm sống, không có tiếng nói chung, dẫn đến cãi vã nhiều làm cho cuộc sống vợ chồng không có hạnh phúc.

Vì không muốn hạnh phúc gia đình bị đổ vỡ ảnh hưởng xấu đến cuộc sống của con, nên tôi luôn nhường nhịn vợ tôi trong cuộc sống và khuyên vợ sửa đổi tính tình với hy vọng sẽ hàn gắn được tình cảm vợ chồng, thời gian qua dù đã cố gắng rất nhiều nhưng cuộc sống của vợ chồng tôi không có hạnh phúc, mà trái lại mâu thuẫn vợ chồng tôi ngày càng gay gắt. Chị **H1** đã bỏ nhà ra đi từ năm 2017, tôi và chị **H1** cũng đã ly thân từ năm 2017 đến nay. Hiện tại mâu thuẫn đã đến mức trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được tình cảm vợ chồng tôi không còn khả năng hàn gắn được nữa. Tôi yêu cầu Tòa án cho tôi ly hôn với chị **Võ Thị Kim H1**.

- Về con chung: Có 01 con chung tên **Lưu Huỳnh K** sinh ngày 07/7/2000. Cháu **K** đã trưởng thành nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về tài sản chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về nợ chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Bị đơn chị **Võ Thị Kim H1 không có ý kiến và vắng mặt từ khi thụ lý vụ án và quá trình hòa giải, kiểm tra giao nộp tiếp cận công khai chứng cứ và tham dự phiên tòa sơ thẩm dù đã được Tòa án triệu tập họp lệ nhưng chị **H1** vắng mặt.*

Căn cứ vào tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa và những quy định pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về quan hệ tranh chấp: Anh **Lưu Mạnh H** khởi kiện yêu cầu xin ly hôn, nuôi con chung với chị **Võ Thị Kim H1**, căn cứ Điều 28 và Điều 35 Bộ luật Tố tụng dân sự, Điều 51 Luật Hôn nhân và gia đình, Hội đồng xét xử xác định quan hệ tranh chấp là tranh chấp “Xin ly hôn”.

[2] Về thẩm quyền: Xét thấy chị **Võ Thị Kim H1** có địa chỉ: **Ấp Q, xã N, thị xã C, tỉnh Tiền Giang**, theo quy định tại khoản 1 Điều 35, 39 Bộ luật Tố tụng dân sự vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thị xã Cai Lậy, tỉnh Tiền Giang.

[3] Về thủ tục tố tụng: Nguyên đơn có đơn xin vắng mặt tại phiên tòa, bị đơn đã được Tòa án triệu tập lần thứ 02 họp lệ nhưng vẫn vắng mặt, Hội đồng xét xử sơ thẩm áp dụng Điều 227, 228 Bộ luật Tố tụng dân sự xét xử vắng các mặt các đương sự.

[4] Về quan hệ hôn nhân: Anh **H** và chị **H1** tổ chức lễ cưới và đăng ký kết hôn ngày 22/10/1999 tại **Ủy ban nhân dân xã N, huyện C, tỉnh Tiền Giang** (nay là **Ủy ban nhân dân xã N, thị xã C, tỉnh Tiền Giang**). Sau khi kết hôn, vợ chồng chung sống với nhau hạnh phúc được một thời gian, đến năm 2017 thì phát sinh mâu thuẫn vợ chồng gay gắt do vợ chồng tính tình không hợp nhau, chị **H1** sống thiếu trách nhiệm, không biết quan tâm chia sẻ trong cuộc sống, làm cho cuộc sống vợ chồng không có hạnh phúc.

Anh **H** đã cố gắng hàn gắn hạnh phúc gia đình nhưng không có kết quả. Anh **H** và chị **H1** đã ly thân từ năm 2017. Hiện tại mâu thuẫn đã đến mức trầm trọng,

mục đích hôn nhân không đạt được, tình cảm vợ chồng tôi không còn khả năng hàn gắn được nữa. Anh **H** yêu cầu Tòa án cho chị ly hôn với chị **Võ Thị Kim H1**.

Qua lời trình bày của anh **H**, cho thấy chị **H1** đã vi phạm quyền và nghĩa vụ về nhân thân hai vợ chồng ly thân không chung sống với nhau, không có tình nghĩa vợ chồng, không quan tâm đến cuộc sống chung, cùng chăm lo nuôi dạy chăm sóc con chung, xét thấy nếu tiếp tục duy trì hôn nhân cũng không hạnh phúc, do không còn tình cảm, mục đích hôn nhân không đạt được. Do đó, Hội đồng xét xử xét thấy yêu cầu của anh **Huỳnh x** ly hôn với chị **H1** là có căn cứ, cần ghi nhận cho anh **H** được ly hôn với chị **H1**.

[5] Về con chung: Anh **H** và chị **H1** có 01 con chung tên **Lưu Huỳnh K** sinh ngày 07/7/2000. Cháu **K** đã trưởng thành nên không yêu cầu Tòa án giải quyết. Xét thấy, hiện tại cháu **K** đã trưởng thành, có khả năng lao động nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

[6] Về tài sản chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết, nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[7] Về nợ chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết, Hội đồng xét xử không xem xét.

[8] Từ những nhận định trên, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của anh **H**.

[9] Về án phí: Anh **H** phải chịu 300.000 đồng tiền án phí hôn nhân sơ thẩm, theo quy định Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội 14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào Điều 28, 35, 39, Điều 147, 227, 228, 244, 273 Bộ luật Tố tụng Dân sự; các Điều 51, 53, 56, 59 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014; Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội 14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của anh **Lưu Mạnh Huỳnh .**

- Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận cho anh **Lưu Mạnh H** được ly hôn với chị **Võ Thị Kim H1**.

- Về quan hệ con chung: Cháu **Lưu Huỳnh K** sinh ngày 07/7/2000 đã trưởng thành, có khả năng lao động nên không xem xét.

- Về tài sản chung: Nguyên đơn không yêu cầu nên không đặt ra giải quyết. Khi nào các đương sự có yêu cầu sẽ được giải quyết bằng vụ án khác

- Về nợ chung: Nguyên đơn không yêu cầu nên không đặt ra giải quyết. Khi nào các đương sự có yêu cầu sẽ được giải quyết bằng vụ án khác.

2. Về án phí:

Anh **Lưu Mạnh H** phải chịu 300.000 đồng án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm, được khấu trừ vào số tiền 300.000 đồng tiền tạm ứng án phí theo biên lai thu số 0018738 ngày 11 tháng 10 năm 2023 của Chi cục Thi hành án dân sự thị xã Cai Lậy, tỉnh Tiền Giang. Xem như anh **H** đã thực hiện xong nghĩa vụ án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm.

Chị **Võ Thị Kim H1** không phải chịu án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm.

3. Về quyền kháng cáo:

Anh **Lưu Mạnh H** và chị **Võ Thị Kim H1** được quyền kháng cáo đối với bản án của Tòa án cấp sơ thẩm là 15 ngày, kể từ ngày bản án được tổng đạt hợp lệ hoặc bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật, để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Tiền Giang xét xử phúc thẩm.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Tiền Giang;
- VKSND thị xã Cai Lậy;
- CCTHADS thị xã Cai Lậy.
- UBND xã Nhị Quý;
- Các đương sự
- Lưu: Án văn, hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Lê Hoàng Hiệp